TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 63/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 10/9/2018.
V/v: "Xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Văn An**.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Nguyễn Thành Thái.

2. Bà Phạm Hồng Gái.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

Ngày 10 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 188/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018 về việc: *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn B,** sinh năm 1991.

Địa chỉ: khu phố Mỹ Phú, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh KG.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn N,** sinh năm 1986.

Địa chỉ: khu phố Mỹ Phú, thị trấn SS, huyện HĐ, tỉnh KG..

(Tất cả đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn B trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn B và anh Nguyễn Văn N được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2010, sau đó có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Diên, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 14/3/2012. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do anh N thường xuyên nhậu nhẹt, tiền bạc làm về thì tiêu xài cá nhân, không lo lắng cho vợ con, anh N còn có hành vi đánh chị B nhiều lần, chị B đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh N vẫn không thay đổi, từ đó vợ chồng hay cãi vả nhau và sống ly thân hơn 01 năm nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng

không còn, hôn nhân không đạt mục đích, nên chị B yêu cầu được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị B và anh N có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Nguyên, sinh ngày 20/10/2012. Hiện con đang sống cùng chị B, ly hôn chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa anh Nguyễn Văn N trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Anh N đồng ý với lời trình bày của chị B, anh và chị B được gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2010, sau đó có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Diên, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 14/3/2012. Quá trình chung sống vợ chồng cũng có phát sinh mâu thuẫn, anh N thừa nhận có thường xuyên nhậu nhưng anh vẫn lo lắng cho gia đình, tiền làm được anh đều mang về cho vợ, anh N cũng thừa nhận có đánh chị B nhưng chỉ có một lần vì lần đó không bình tỉnh được. Anh N nhận thấy vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì lớn do đó việc chị B yêu cầu được ly hôn với anh N thì anh N không đồng ý vì còn thương vợ và con nhiều.

- Về con chung: Có 01 người con chung như chị B trình bày. Anh N không muốn ly hôn nhưng nếu Tòa án xem xét giải quyết chấp nhận yêu cầu của chị B thì anh N yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu chị B cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] Về thẩm quyền: Đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa chị Nguyễn B và anh Nguyễn Văn N. Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn B và anh Nguyễn Văn N là vợ chồng hợp pháp do đã được UBND xã Phú Diên, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/3/2012. Trong quá trình chung sống giữa chị B và anh N phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không hòa hợp với nhau nên thường xuyên cãi vã, bất hòa, xô xát với nhau. Nay chị B nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích, đời sống chung

không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với anh N.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc yêu cầu được ly hôn với anh N của chị B là có cơ sở để được chấp nhận. Bởi lẽ, theo lời trình bày của chị B, chị và anh N chung sống với nhau nhưng thường xuyên cãi vã, do anh N thường xuyên sử dụng rượu bia, ít lo lắng cho gia đình và còn có hành động bạo lực với chị, việc này anh N cũng thừa nhận. Bên cạnh đó chị B và anh N đều trình bày hiện nay anh chị đã sống ly thân hơn một năm nay, anh chị không còn chung sống chung nhà, anh chị không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và nghĩa vụ sống chung của vợ chồng cũng không còn theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, phía anh Nguyễn Văn N đồng ý ly hôn với chị Nguyễn B nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự.

[3] Về con chung: Chị B và anh N đều thừa nhận giữa anh chị có một người con chung tên Nguyễn Ngọc Nguyên, sinh ngày 20/10/2012. Tại phiên tòa chị B và anh N đều có nguyện vọng muốn được nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành.

Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con cho ai nuôi dưỡng thì phải xem xét toàn diện mọi mặt về vật chất cũng như tinh thần đối với sự phát triển của con chung sau này. Xét thấy hiện tại cháu Nguyên còn nhỏ và chị B là người trực tiếp chăm sóc cháu Nguyên từ trước đến nay, đồng thời cháu Nguyên là giới tính nữ và theo chị B trình bày từ khi sinh ra tâm lý cháu Nguyên không được ổn định (bệnh tự kỷ từ nhỏ, đang điều trị) do đó cháu Nguyên cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của chị B để cháu phát triển tốt về vật chất cũng như tinh thần.

Từ lý do trên HĐXX nhận thấy cần giao cháu Nguyên cho chị B nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định của pháp luật, anh N không cần phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị B không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Các bên đương sự đều trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[5] Về nợ chung: Các bên đều trình bày không có nợ ai hoặc cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm : Chị Nguyễn B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 51; 55; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm

2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

1/. Về hôn nhân : Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn B và anh Nguyễn Văn N.

2/. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Nguyên sinh ngày 20/10/2012 cho chị Nguyễn B tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Anh Nguyễn Văn N có quyền được thăm nom , chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

Bảo lưu quyền thay đổi việc nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng việc nuôi con chung khi một trong các bên có yêu cầu.

3/. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX miễn xét.

4/. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX miễn xét.

5/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006773, ngày 14/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó chị B không phải nộp thêm.

6/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn An

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Hòn Đất;
- THA huyện Hòn Đất;
- Đương sự;
- Lưu;